

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v: “*Tranh chấp dân sự về đòi  
lại tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc;*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đăng Hiền;

2. Ông Trần Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐ - DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Thông báo đình chính số 02/TB-ĐC ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1973; địa chỉ: Số E, tổ D, thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thị L1; sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, Ông P, bà L1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 03/7/2016 ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có vay của bà số tiền 70.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày. Vay không có lãi suất. Sau đó đến hạn ông P, bà L1 chưa trả được nợ và có xin khất nợ bà L, vì vậy sau khi quá hạn bà L cũng chưa yêu cầu ông P, bà L1 trả nợ. Đến ngày 16/10/2017 vợ chồng ông P, bà L1 vay tiếp của bà số tiền 90.000.000đ, mục đích vay cũng để đáo hạn ngân hàng. Do chỗ thân quen, tình cảm bà lại cho ông P, bà L1 mượn tiếp số tiền 90.000.000đ với thời gian là 03 tháng. Bà xác nhận số tiền 90.000.000đ tuy giấy nợ ghi thời hạn vay là 10 ngày

nhưng thực chất bà cho ông P và bà L1 vay trong thời hạn 03 tháng. Vì số nợ 70.000.000đ cũ chưa trả nên giữa hai bên thỏa thuận là ông P, bà L1 phải trả lãi cho bà L 4.000.000đ/tháng đối với khoản vay 90.000.000đ. Tuy nhiên ông P ghi nhầm thành 4000%/tháng. Mặc dù có thỏa thuận trả lãi nhưng ông P, bà L1 chưa trả được đồng lãi nào cho bà.

Sau đó đến hạn trả nợ nhưng ông P, bà L1 không trả được nợ cho bà, bà có đòi tiền nhiều lần nhưng ông P, bà L1 không trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ngoài yêu cầu trên, bà không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng ông P và bà L1 vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L; buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 160.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền 160.000.000đ đã cho bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 vay theo giấy mượn tiền ngày 03/7/2016 và ngày 16/10/2017. Bị đơn quá trình làm việc không thể hiện ý kiến thừa nhận nghĩa vụ đối với nguyên đơn, do vậy không thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện, nên đây là tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng

mặt ông P và bà L1 theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho bị đơn theo quy định.

*[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đòi lại tài sản là số tiền 160.000.000đ đã cho bị đơn là ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 vay ngày 03/7/2016 và ngày 16/10/2017, căn cứ yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp tại bút lục 18, 19 do bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 viết và ký vào ngày 03/7/2016 là 70.000.000đ và ngày 16/10/2017 là 90.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn nhưng bị đơn luôn vắng mặt khi Tòa án mời làm việc và không có ý kiến phản hồi. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ cho thấy hiện nay bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 vẫn sinh sống cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ. Như vậy, việc bị đơn ông P và bà L1 đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Đến thời điểm xét xử vụ án, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn đã nộp là bản chính giấy vay tiền do bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 viết và ký vào ngày 03/7/2016, thời hạn trả nợ là 14/7/2016 và giấy vay tiền ngày 16/10/2017, thời hạn trả nợ là đến ngày 17/01/2018 sẽ trả đủ. Như vậy đã đến thời hạn trả nợ. Ngoài tài liệu trên thì không có tài liệu nào khác thể hiện bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định, bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có vay tiền và hiện còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 160.000.000đ, đến nay chưa trả cho nguyên đơn là có thật.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả số tiền đã vay 160.000.000đ là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000đ là đúng quy định tại Điều 166, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

*[2.2]. Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, Điều 463, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 160.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0002498 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phúc**